

TỶ LỆ PHÂN TRẢM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VỚI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: %

STT		TÊN ĐƠN VỊ		Chi theo sắc thuế																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				Thuế giá trị gia tăng				Thuế thu nhập doanh nghiệp				Thuế tiêu thụ đặc biệt				Thuế thu nhập cá nhân				Thuế BVMT				Thuế tài nguyên				Thuế sử dụng đất nông nghiệp				Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				Tiền sử dụng đất				Tiền thuê đất mặt đất, mặt nước				Lệ phí môn bài				Lệ phí trước bạ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
				Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục		Nguồn cục thuế		Nguồn Chi cục																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
				NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH	NS tỉnh	NSH																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
1	TP. Buôn Ma Thuột	80	20	30	70	80	20	30	70	100	-	-	100	80	20	30	70	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	100

TỶ LỆ PHÂN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Phường Thông Nhất	30%	56%	14%	30%	70%	0%	30%	56%	14%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	86%	14%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Phường Thành Nhất	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Phường Thành Công	30%	45%	25%	30%	70%	0%	30%	45%	25%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Phường Thắng Lợi	30%	53%	17%	30%	70%	0%	30%	53%	17%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	83%	17%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Phường Tân Lợi	30%	50%	20%	30%	70%	0%	30%	50%	20%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	80%	20%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Phường Tân An	30%	54%	16%	30%	70%	0%	30%	54%	16%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Phường Tư An	30%	32%	38%	30%	70%	0%	30%	32%	38%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Phường Tân Lập	30%	40%	30%	30%	70%	0%	30%	40%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Phường Tân Thành	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Phường Tân Tiến	30%	51%	19%	30%	70%	0%	30%	51%	19%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Phường Tân Hòa	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Phường Khánh Xuân	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Phường Ea Tam	30%	20%	50%	30%	70%	0%	30%	20%	50%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
14	Xã Hòa Thắng	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
15	Xã Hòa Thuận	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
16	Xã Cư Eebur	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
17	Xã Ea Tu	30%	22%	48%	30%	70%	0%	30%	22%	48%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
18	Xã Ea Kao	30%	8%	62%	30%	70%	0%	30%	8%	62%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
19	Xã Hòa Phú	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
20	Xã Hòa Khánh	30%	40%	30%	30%	70%	0%	30%	40%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
21	Xã Hòa Xuân	30%	30%	40%	30%	70%	0%	30%	30%	40%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%

TỶ LỆ PHÂN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
THỊ XÃ BUỒN HỒ

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Cư Bao	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
2	Xã Ea Blang	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%
3	Xã Ea Đrông	0%	45%	55%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	40%	60%	100%	0%
4	Xã Ea Siên	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	0%	100%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Bình Thuận	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	91%	9%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%
6	Phường Đoàn Kết	0%	84%	16%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	40%	60%	100%	0%
7	Phường Đạt Hiếu	0%	85%	15%	0%	100%	0%	0%	84%	16%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%
8	Phường Bình Tân	0%	94%	6%	0%	100%	0%	0%	94%	6%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	60%	40%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
9	Phường Thông Nhất	0%	94%	6%	0%	100%	0%	0%	96%	4%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	20%	80%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	45%	55%	100%	0%
10	Phường An Bình	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
11	Phường An Lạc	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
12	Phường Thiên An	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	95%	5%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	60%	40%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	100%	0%

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
HUYỆN EA H'LEO

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Ea Dràng	0%	85%	15%	0%	100%	0%	0%	85%	15%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	80%	20%
2	Xã Ea Khăl	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
3	Xã Ea Wy	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
4	Xã Cư Mốt	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
5	Xã Ea Răi	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
6	Xã Ea Dliê Yang	0%	40%	60%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
7	Xã Ea Sol	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
8	Xã Ea Hiao	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
9	Xã Ea Nam	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
10	Xã Ea H'Leo	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
11	Xã Ea Cư A Mung	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
12	Xã Ea Tir	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: **100** /QĐ-UBND ngày **12** /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Ea Súp	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	80%	20%
2	Xã Cư Mán	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
3	Xã Ia Ea Bung	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
4	Xã Ia Cư Kbang	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
5	Xã Ea Rók	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
6	Xã Ea Lê	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
7	Xã Ia Jloi	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
8	Xã Ya Tờ Mót	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
9	Xã Ia Lóp	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
10	Xã Ia Rvé	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
HUYỆN KRÔNG NĂNG

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: **100** /QĐ-UBND ngày **12** /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Krông Năng	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Cư Klông	0%	50%	50%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Dăh	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Tam Giang	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea Tam	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Ea Toh	0%	95%	5%	0%	90%	10%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Tân	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Phú Lộc	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	95%	5%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Puk	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã ĐliêYa	0%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea Hô	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Phú Xuân	0%	100%	0%	0%	90%	10%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ		
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	
1	Xã Ea Bar	0%	40%	60%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
2	Xã Tân Hòa	0%	30%	70%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
3	Xã Cuôr Knia	0%	20%	80%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
4	Xã Ea Nuôl	0%	30%	70%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
5	Xã Ea Wer	0%	20%	80%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
6	Xã Ea Huar	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
7	Xã Krông Na	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
HUYỆN CU M'GAR

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Quảng phú	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
2	Thị trấn Ea Pôk	0%	60%	40%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
3	Xã Ea Kiết	0%	97%	3%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
4	Xã Ea Drong	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
5	Xã Cư Suê	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	60%	40%
6	Xã Cuôr Đăng	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	60%	40%
7	Xã Ea M nang	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
8	Xã Cư M'gar	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
9	Xã Ea Kpam	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
10	Xã Ea Tul	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
11	Xã Quảng Tiến	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
12	Xã Cư DLié M' nông	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
13	Xã Ea Tar	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
14	Xã Quảng Hiệp	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
15	Xã Ea H' đing	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
16	Xã Ea M' drón	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
17	Xã Ea Kuêh	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: **150** /QĐ-UBND ngày **12**/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn EaKar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
2	Thị trấn EaKnốp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
3	Xã Ea Đar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
4	Xã Ea Ô	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
5	Xã Ea Pal	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
6	Xã Cư Yang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
7	Xã Xuân phư	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
8	Xã Ea Sô	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
9	Xã Cư Ni	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
10	Xã Ea K mút	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
11	Xã Cư Huê	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
12	Xã Cư Elang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
13	Xã Cư Prông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
14	Xã Cư Bông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
15	Xã Ea Tyl	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
16	Xã Ea Sar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%

HUYỀN M'DRẮK

(Kèm theo Quyết định số: **100** /QĐ-UBND ngày **12**/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn M'Drăk	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Ea Trang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Cư Krôa	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Cư M'Ta	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Krông Jing	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Krông A	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Pil	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Ea Lai	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Riêng	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Ea M'Lay	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea M'Doal	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Cư P'Rao	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Xã Cư San	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Phước An	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Hòa Đông	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Knuéc	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Kênh	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea Yông	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Hòa An	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Hòa tiến	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Tân Tiến	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Uy	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Yiang	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea Kuảng	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Krông Búk	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Xã Ea Kiy	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
14	Xã Ea Phê	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
15	Xã Vu Bôn	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
16	Xã Ea Hiu	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 11 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Buôn Tráp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Dư Kmăl	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Bông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Bình Hoa	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Quảng Điện	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Ea Na	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Bàng Ađrênh	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Dray Sap	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: **100** /QĐ-UBND ngày **12** /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Khuê Ngọc Điền	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
2	Xã Hòa Lễ	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
3	Xã Hòa Phong	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
4	Xã Cư Ktv	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
5	Xã Hòa Tân	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
6	Xã Hòa Thành	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
7	Xã Hòa Sơn	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
8	Xã Ea Trul	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
9	Xã Dang Kang	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
10	Xã Cư Pui	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
11	Xã Cư Đrăm	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
12	Xã Yang Mao	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
13	Thị trấn Krông Kmar	0%	90%	10%	0%	70%	30%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	85%	15%
14	Xã Yang Reh	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
HUYỆN CƯ KUIN

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: **100** /QĐ-UBND ngày **12**/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Ea Tiếu	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Ea Ktur	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Hu	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Ning	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea BHók	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Cư Êwi	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Dray Bhang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Hòa Hiệp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Cư Nè	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Chư Khô	0%	75%	25%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Cư Pong	0%	95%	5%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Sin	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Pong Drang	0%	90%	10%	0%	75%	25%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Tân Lập	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Ngai	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%